

Chương 2

▼ KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

▼ Nguồn gốc của pháp luật

- Các tập quán, nguyên tắc trở nên lỗi thời, không đủ khả năng điều chỉnh các QHXX; Sự phát triển về kinh tế, XH ⇒ nhu cầu xuất hiện pháp luật.
- Ra đời vào giai đoạn cuối của công xã nguyên thủy (tập quán, tín điều tôn giáo, đạo đức là phương tiện điều chỉnh các QHXX...);

⇒ PL đã trở thành công cụ thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, góp phần bảo vệ lợi ích của NN.

- Chế độ tư hữu xuất hiện
- Sự phân chia các giai cấp có lợi ích đối kháng

▼ Khái niệm, bản chất và các thuộc tính cơ bản của pháp luật

- **Khái niệm/ Đặc điểm:** Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế, thể hiện ý chí của nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm duy trì trật tự xã hội.

▼ Tại sao pháp luật có tính giai cấp?

- PL do GCTT ban hành nên trước hết phải bảo vệ cho lợi ích của GCTT
- Ra đời gắn liền với XH có giai cấp và đấu tranh giai cấp; trở thành công cụ hữu hiệu nhất trong việc trấn áp đấu tranh giai cấp, bảo vệ lợi ích của GCTT
- Yếu tố giai cấp có sự tác động đến nội dung của PL, chi phối xu hướng phát triển và những đặc điểm cơ bản của PL

▼ Tại sao PL có tính xã hội?

- PL là phương tiện mô hình hóa cách thức xử sự của các thành viên trong XH

- PL xuất hiện gắn với nhu cầu quản lý và giữ trật tự chung của XH
- Yếu tố XH (được hiểu là đối lập với yếu tố g/cấp) có sự tác động đến xu hướng phát triển và hình thành những đặc điểm cơ bản của PL.

▼ Thuộc tính của PL

▼ Tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước

- Việc ban hành pháp luật được Nhà nước bảo đảm tính hợp lý về nội dung của QPPL,
- Nhà nước có những điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện pháp luật một cách có hiệu quả:
 - Bảo đảm về kinh tế
 - Bảo đảm về chính trị;
 - Bảo đảm bằng biện pháp cưỡng ch

▼ Tính chặt chẽ về hình thức

- Nội dung của pháp luật được thể hiện trong những hình thức xác định, bao gồm 3 hình thức: Tiền lệ pháp, tập quán pháp, văn bản quy phạm pháp luật.
- Nội dung của pháp luật phải được thể hiện bằng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác, hiểu theo một nghĩa và có khả năng áp dụng trực tiếp;
- Pháp luật được ban hành theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ, thống nhất của luật định, tránh sự tùy tiện.

⇒ Thuộc tính này mang tính minh bạch, khách quan của PL

▼ Tính quy phạm phổ biến và bắt buộc chung

- Tính quy phạm: Pháp luật tạo khuôn mẫu, chuẩn mực, giới hạn cho hành vi xử sự của con người trong xã hội.
- Tính phổ biến: Pháp luật điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội mang tính chất bình đẳng.
- Bắt buộc chung: mọi người đều phải tuân thủ PL

▼ Nguồn của pháp luật

- Khái niệm: Nguồn pháp luật là những hình thức thể hiện các quy tắc bắt buộc chung được nhà nước thừa nhận có giá trị pháp lý để áp dụng giải quyết các quan hệ pháp luật.

- Các loại nguồn của pháp luật:

▼ Tập quán pháp;

- Khái niệm: Là việc Nhà nước thừa nhận các tập quán đã tồn tại trong thực tế có giá trị pháp lý, trở thành QPPL mang tính bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế.
- Điều kiện để áp dụng tập quán pháp:
 - Quan hệ đang tranh chấp thuộc lĩnh vực mà PL điều chỉnh;
 - Chưa có QPPL trực tiếp điều chỉnh;
 - Các quy phạm và chế định hiện tại không thể giải quyết các tranh chấp đó;
 - Được cộng đồng thừa nhận như chuẩn mực ứng xử trong tr/hợp đó.

▼ Đặc điểm

- Tập quán pháp có nguồn gốc từ tập quán;
- Để trở thành tập quán pháp thì tập quán pháp đó phải phù hợp với ý chí và lợi ích của giai cấp thống trị;
- Được nhà làm luật thừa nhận và nâng lên thành pháp luật.

▼ Ưu điểm:

- Được nhân dân dễ dàng chấp nhận với tinh thần tự nguyện cao.
- Có tính ổn định, bền lâu; Bảo vệ văn hóa, phong tục của các thành phần trong XH, các giá trị VH bản địa;

▼ Nhược điểm:

- Tồn tại theo hình thức truyền khẩu (bất thành văn) ⇒ không thống nhất, khó áp dụng, dễ gây hiểu lầm

- Tập quán pháp có nguồn gốc từ tập quán nên thường gắn với vùng miền, địa phương ⇒ thiếu tính bao quát

▼ **Tiền lệ pháp;**

- Cho đến nay, có tất cả 43 án lệ được Nhà nước thừa nhận.
- Án lệ đầu tiên là một vụ án hình sự. Nguồn án lệ: Quyết định giám đốc thẩm số 04/2014/HS-GĐT ngày 16-4- 2014 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về vụ án “Giết người”

▼ **Ưu điểm:**

- Đáp ứng linh hoạt, kịp thời để điều chỉnh QHXX mà không cần trải qua thời gian chờ xây dựng và ban hành pháp luật
- Hình thành từ thực tiễn, do đó nó điều chỉnh được hầu hết các QHXX phát sinh trong đời sống XH mà VBPL chưa quy định.
- Các đối tượng liên quan trong vụ án có thể biết trước hậu quả pháp lý của vụ việc vì thẩm phán phải áp dụng các QĐ của vụ việc tương tự trước đó;

▼ **Hạn chế:**

- Thiếu tính hệ thống và khái quát, do hình thành từ kết quả giải quyết của từng sự việc khác nhau.
- Bên cạnh tính linh hoạt, án lệ cũng có sự cứng nhắc khi mà thẩm phán buộc phải ra những quyết định tương tự khi mà họ cho rằng không phù hợp với vụ việc đang giải quyết.
- Số lượng án lệ ngày càng tăng, gây khó khăn trong quá trình vận dụng;

▼ **Văn bản quy phạm pháp luật.**

- Khái niệm: Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) là văn bản có chứa QPPL, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định (Điều 2 Luật BHVBQPPL 2015).
- Là hình thức tiến bộ được nhiều quốc gia sử dụng là hình thức luật chủ yếu nhất và phổ biến

▼ Ưu điểm

- Chuyển tải nội dung pháp luật rõ ràng, chuẩn xác;
- Có tính đồng bộ, hệ thống cao về hình thức, nội dung và hiệu lực pháp lý;
- Có tính ổn định cao về mặt thời gian, có thể kịp thời điều chỉnh các yêu cầu trong đời sống xã hội.

▼ Hạn chế

- Nhiều chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL, tuy nhiên ý chí của mỗi chủ thể là khác nhau ⇒ không có tính đồng bộ, thống nhất cao ⇒ Các VB mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau.
- Nội dung VB này thay đổi, kéo theo nội dung một số VB khác cũng phải sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.
- Hệ thống pháp luật đồ sộ ⇒ áp dụng khó khăn, chồng chéo.

▼ Chức năng của pháp luật

- Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội (ví dụ: quan hệ tài sản trong dân sự, quan hệ hôn nhân và gia đình...);
- Chức năng bảo vệ trật tự các quan hệ xã hội, chống lại những HVVP;
- Chức năng giáo dục: tác động vào ý thức của con người ⇒ hình thành nên cách ứng xử.

▼ Kiểu pháp luật

- Kiểu pháp luật là tổng hợp những đặc điểm cơ bản của các hệ thống pháp luật, phù hợp với một cơ sở hạ tầng kinh tế nhất định. Gồm:
 - Pháp luật chủ nô
 - Pháp luật phong kiến
 - Pháp luật tư sản
 - Pháp luật XHCN

▼ QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN QPPL

1. Quy Phạm Pháp Luật

▼ **Khái niệm:** Là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các quan hệ XH.

▼ Đặc điểm của quy phạm pháp luật

- Thể hiện ý chí của Nhà nước; Có tính lặp đi lặp lại và bắt buộc chung;
- Nội dung của QPPL thường chứa đựng quyền và nghĩa vụ pháp lý;
- Tính được xác định chặt chẽ về hình thức;
- Việc thực hiện các QPPL được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

▼ Cơ cấu của quy phạm pháp luật

▼ Giả định

- Giả định là một bộ phận của QPPL nêu lên những tình huống giả định (thời gian địa điểm, hoàn cảnh, đối tượng tác động...) có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống mà nếu xảy ra trong thực tiễn thì cần phải điều chỉnh bằng các QPPL.
- Bộ phận giả định chỉ ra phạm vi tác động của QPPL. Có 2 loại: giản đơn (nêu lên một điều kiện, hoàn cảnh) và phức tạp (nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh và giữa chúng có mối liên hệ).
- Ví dụ:
 - Khoản 1 Điều 87 của Luật Giáo dục năm 2005 quy định: "Người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước; trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo".
 - Xác định giả định giản đơn Điều 33 Hiến pháp năm 2013: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm
 - Giả định phức tạp: Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị

đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”

▼ Quy định

- Quy định là bộ phận của QPPL nêu lên cách xử sự hay quy tắc xử sự cho chủ thể (các tổ chức, cá nhân) ở vào điều kiện, hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của quy phạm. Đây là bộ phận trực tiếp thể hiện ý chí, mong muốn của Nhà nước, là mệnh lệnh của Nhà nước đối với các chủ thể, nó chỉ rõ quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các chủ thể tham gia vào QHXX do quy phạm điều chỉnh.
Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật trả lời câu hỏi: Phải làm gì? Được làm gì? Không được làm gì? Làm như thế nào?
- Mệnh lệnh được nêu ở bộ phận quy định của quy phạm pháp luật có thể dứt khoát (chỉ nêu một cách xử sự và các chủ thể buộc phải xử sự theo mà không có sự lựa chọn. Ví dụ khoản 1, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng”).
- Hoặc không dứt khoát (nêu ra 2 hoặc nhiều cách xử sự và cho phép các tổ chức hoặc cá nhân có thể lựa chọn cho mình cách xử sự thích hợp từ những cách xử sự đã nêu, ví dụ: Luật hôn nhân và Gia đình quy định: “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng ký kết hôn.; Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở nước ngoài”).
- “Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan phải thành lập bằng văn bản gồm những nội dung chủ yếu” (Khoản 1 Điều 46 Luật SHTT)
⇒ Quy định: “phải thành lập bằng văn bản”
- “Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan” (Khoản 1 Điều 50 Luật SHTT)
⇒ Quy định: “có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan”

▼ Chế tài

- Khái niệm: Chế tài là một bộ phận của QPPL, nêu lên biện pháp cưỡng chế mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức không thực hiện đúng bộ phận quy định của QPPL
- Ví dụ: Nghị định 100/2019/NĐ-CP Điều 6. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

"6.

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:
c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

▼ Phân loại các quy phạm pháp luật

▼ Tính chất mệnh lệnh

- **Ví dụ 1. Quy phạm cấm**

"Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt từ từ 2 năm đến 7 năm. " – Điều 130 BLHS 2015

- **Ví dụ 2. Quy phạm bắt buộc**

"Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống BĐS của chủ sở hữu BĐS liền kề – Điều 250 BLDS 2015

- **Ví dụ 3. Quy phạm trao quyền**

"Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả tên đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ và tên khai sinh của người đó" – Điều 26 BLDS 2015

▼ Nội dung mục đích thông tin quy phạm

- **Ví dụ 1. Quy phạm định nghĩa**

"*Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản*" – Điều 105 BLDS 2015

- **Ví dụ 2. Quy phạm điều chỉnh**

"Người hưởng dụng có quyền sở hữu đối với hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản là đối tượng của quyền hưởng dụng trong thời gian quyền này có hiệu lực " – Điều 264 BLDS 2015

- **Ví dụ 3. Quy phạm bảo vệ**

"Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, VH TT, TDTT, y tế, đã bị xử lý kỷ luật... thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5 triệu đến 50 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm" – Điều 165 BLHS 2015

▼ **Tác dụng của quy phạm**

- **Ví dụ 1. Quy phạm nội dung**

"Đại diện là việc cá nhân, pháp nhân (sau đây gọi chung là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (sau đây gọi chung là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. " — Điều 134 BLDS 2015

- **Ví dụ 2. Quy phạm hình thức**

"Khi tiến hành tố tụng dân sự, nếu có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật này thì Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng."
- Điều 88 BLTTDS 2015

2. Văn Bản QPPL

▼ **Khái niệm VBQPPL:** là văn bản có chứa quy phạm pháp luật được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của PL.

▼ **Các loại văn bản**

Văn bản QPPL	Văn bản áp dụng pháp luật (văn bản cá biệt)	Văn bản hành chính	Văn bản chuyên môn
Ví dụ: -Luật; -Nghị định; -Thông tư...	- Biên bản xử phạt vi phạm trong lĩnh vực GTĐB; - Bản án của tòa án; - Quyết định về nhân sự;...	- Công văn - Thông báo - Báo cáo - Biên bản làm việc;...	- Khóa luận, luận văn, luận án; - Bài báo nghiên cứu khoa học;...

▼ Những đặc điểm cơ bản của VBQPPL

- Do cơ quan nhà nước ban hành. Thẩm quyền ban hành được quy định tại Luật ban hành VBQPPL;
- Được ban hành theo đúng tên gọi, trình tự và thủ tục pháp lý;
- Có chứa đựng những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung;
- Được NN bảo đảm thực hiện.

▼ Hệ thống VBQPPL của Nhà nước Việt Nam

▼ Văn bản luật

- Chủ thể ban hành: Quốc hội.
- Bao gồm: Hiến pháp, Bộ luật/Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, trong đó Hiến pháp là đạo luật cao nhất.

▼ Văn bản dưới luật

- Là Văn bản QPPL do các cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của PL, có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật và không được trái với văn bản luật,

HỆ THỐNG VB QPPL THEO LUẬT MỚI (SỬA ĐỔI) CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2021				
HIẾN PHÁP (Quốc hội)				
BỘ LUẬT (Quốc hội)		LUẬT (Quốc hội)		NGHỊ QUYẾT (QH)
PHÁP LỆNH (UBTVQH)	NGHỊ QUYẾT (UBTVQH)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn CT UBTWMTQVN)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH, CP, Đoàn CT UBTWMTQVN)	
LỆNH (Chủ tịch nước)		QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)		
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)		NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (CP với Đoàn Chủ tịch UBTWMTQVN)		
QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án TANDTC)	THÔNG TƯ (Mện trưởng VKS NDT)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản QPPL (chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (của Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

▼ Hiệu lực của các VBQPPL

• Khái niệm:

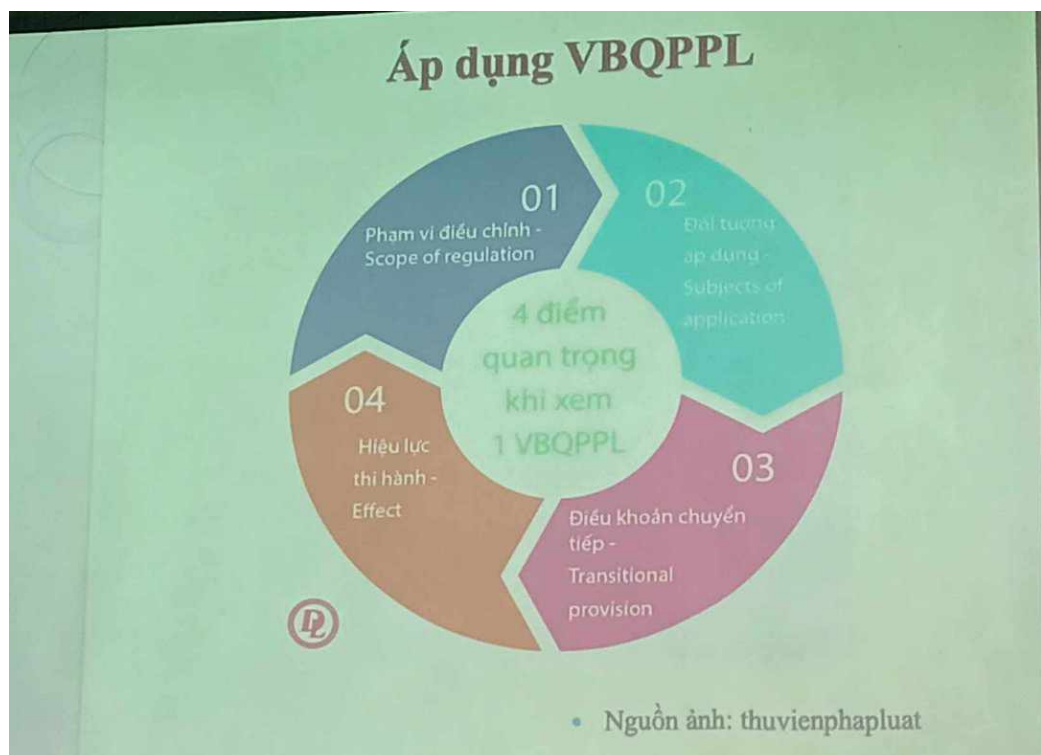
- Là thời điểm phát sinh giá trị điều chỉnh các quan hệ xã hội và giới hạn về thời gian, không gian (theo lãnh thổ), về đối tượng thi hành mà VBQPPL đó tác động tới.
- Phải được đăng Công báo mới có giá trị.

- **Thời gian:** Được xác định từ thời điểm phát sinh cho đến khi chấm dứt sự tác động của văn bản đó.

Thời điểm có hiệu lực được quy định trong VB nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày công bố hoặc kí ban hành (trừ tr/h khẩn cấp).

- **Hồi tố:** Tr/hợp thật cần thiết mới áp dụng hiệu lực trở về trước;
 - Không được áp dụng VB có hiệu lực trở về trước đối với những trường hợp mà hậu quả pháp lý sẽ nặng hơn.
- **Không gian:** Được xác định theo lãnh thổ Quốc gia, một vùng hay một địa phương nhất định.
- **Đối tượng thi hành:** Đối tượng tác động của VBQPPL bao gồm cá nhân, các tổ chức và những mối QHXX mà văn bản đó cần phát huy hiệu lực.

▼ Áp dụng VBQPPL



▼ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

▼ Khái niệm

Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được Nhà nước điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật, trong đó các bên tham gia quan hệ pháp luật có các quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định, được nhà nước bảo đảm được thực hiện.

- Ví dụ:
 1. Quan hệ hôn nhân giữa vợ và chồng được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình, trong đó vợ và chồng đều có quyền và nghĩa vụ.
 2. Quan hệ mua bán giữa người mua và người bán được điều chỉnh bởi Luật Dân sự và Luật chuyên ngành, trong đó các bên đều phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

▼ Cấu trúc

▼ Chủ thể

• Khái niệm:

- Là các cá nhân, tổ chức có khả năng trở thành các bên tham gia QHPL và khi tham gia vào QHPL đó, một bên hoặc các bên sẽ được hưởng quyền và/hoặc sẽ phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý nhất định.
- Năng lực chủ thể của QHPL là khả năng mà pháp luật quy định cho cá nhân, tổ chức được tham gia vào các QHPL nhất định.

▼ Năng lực Pháp luật

- Là khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và những nghĩa vụ pháp lý được Nhà nước thừa nhận trong các VBQPPL.

Ví dụ:

BLDS 2015 quy định về năng lực pháp luật dân sự của các cá nhân, như: Quyền nhân thân, quyền tài sản, quyền thừa kế...

- Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền và nghĩa vụ dân sự.
- Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.
- Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

▼ Năng lực hành vi

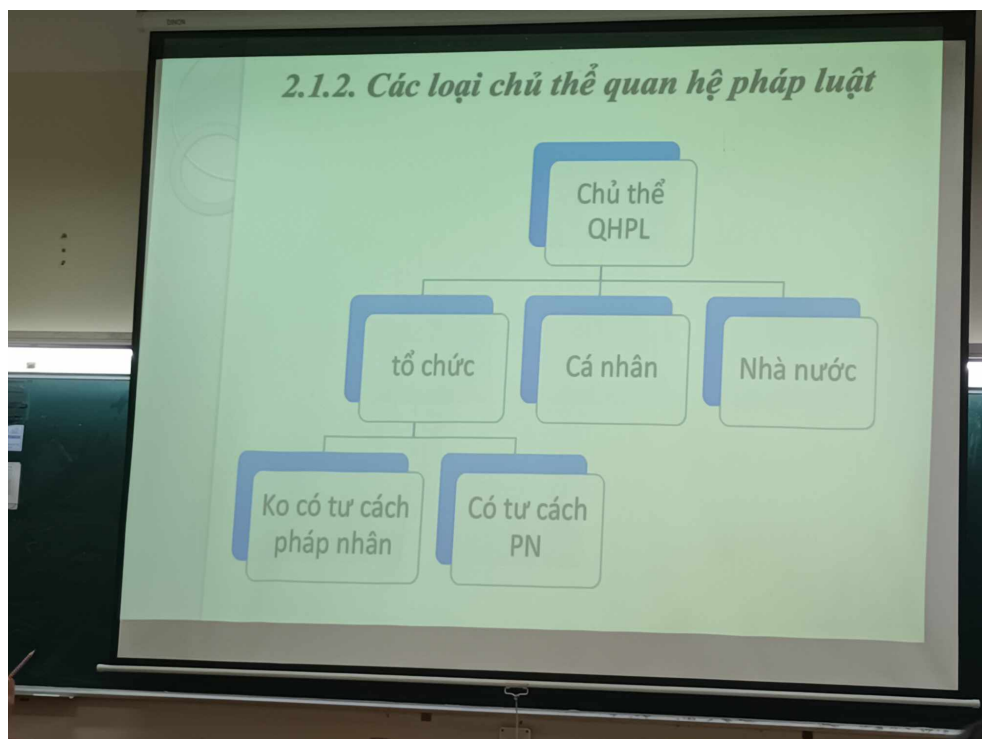
- Là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý khi tham gia vào các QHPL.

Ví dụ:

BLDS 2015 quy định cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự khi đủ tuổi thành niên.

- Năng lực hành vi dân sự của cá nhân (Điều 19 – Điều 21 BLDS)
Là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự.

▼ Các loại chủ thể



a) Tổ chức

- Gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế... có năng lực chủ thể để tham gia các QHPL.
- NLPL & NLHV của tổ chức được nhà nước thừa nhận trong các VBQPPL và tùy thuộc vào quy chế/điều lệ/giấy phép thành lập.
- Tổ chức có 02 loại:
 - + Không có tư cách pháp nhân;
 - + Có tư cách pháp nhân.

b) Cá nhân

- Là chủ thể chủ yếu của các QHPL. Năng lực chủ thể của cá nhân phát triển, tăng dần cùng độ tuổi, đến một độ tuổi nhất định thì cá nhân có năng lực chủ thể đầy đủ.
- Năng lực pháp luật: có từ lúc sinh ra đến khi chết.
- Năng lực hành vi: khi đến độ tuổi nhất định cho đến đủ 18 tuổi trở lên đến khi chết, trừ những trường hợp bị mất hoặc bị hạn chế NLHV.

Phân biệt Hạn chế & Mất năng lực hành vi		
Tiêu chí	Hạn chế năng lực hành vi	Mất năng lực hành vi
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Khi và chỉ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố người đó mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. - Cá nhân không thể tự mình tham gia các giao dịch, giao dịch phải do người đại diện theo pháp luật thực hiện. 	
Khác nhau		
Đối tượng	Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến các bệnh lý về thần kinh, cơ thể.	Người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi.
Hệ quả pháp lý	Giao dịch do người hạn chế năng lực hành vi dân sự thực hiện, xác lập là vô hiệu, trừ trường hợp được sự đồng ý của người đại diện hoặc giao dịch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.	Giao dịch do người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện, xác lập là vô hiệu. Giao dịch phải do người đại diện theo pháp luật thực hiện.
Người đại diện	Do Tòa án chỉ định.	Người đại diện (còn gọi là người giám hộ) có thể được chỉ định hoặc đương nhiên trở thành người đại diện theo quy định của pháp luật.

c) Nhà nước

- Nước CHXHCN Việt Nam tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự với tư cách là chủ thể đặc biệt:
 - Tự quy định cho mình các quyền trong quan hệ mà NN tham gia;
 - Là chủ thể trong tất cả các ngành luật.
- Nước CHXHCN Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương khi tham gia quan hệ dân sự thì bình đẳng với các chủ thể khác và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định.

▼ Nội dung

- **Quyền pháp lý của chủ thể**

- Được hành động trong khuôn khổ do những QPPL xác định trước, thực hiện những hành vi mà PL cho phép;
- Yêu cầu bên còn lại của QHPL thực hiện nghĩa vụ của họ;
- Yêu cầu chấm dứt những hành vi cản trở việc thực hiện quyền chủ thể;
- Yêu cầu CQNN có thẩm quyền thực hiện sự cưỡng chế trong trường hợp cần thiết.

- **Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể**

- Phải thực hiện những hành vi nhất định theo quy định của pháp luật, nhằm đáp ứng quyền của các chủ thể khác;
- Không được thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm;
- Chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện, thông qua sự cưỡng chế của Nhà nước nếu không tự nguyện.

▼ **Khách thể**

- Khách thể của QHPL là đối tượng mà các bên tham gia QHPL mong muốn đạt được khi tham gia vào các QHPL đó là *những lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất, hành vi xử sự của con người,...*

▼ **Sự kiện pháp lý**

- **Khái niệm:**

- Là những sự kiện sẽ xảy ra trong đời sống xã hội làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt những quan hệ pháp luật nhất định.
- Chỉ những sự kiện xã hội có ý nghĩa pháp lý mà được các nhà làm luật dự liệu, thừa nhận trong các QPPL tương ứng mới được gọi là sự kiện pháp lý.

- **Phân loại sự kiện pháp lý**

- Căn cứ vào mối liên hệ giữa sự kiện thực tế xảy ra với ý chí của thể tham gia QHPL

- **Hành vi pháp lý**

- Hành vi hợp pháp ⇒ thực hiện pháp luật
- Hành vi bất hợp pháp ⇒ Vi phạm pháp luật

- **Sự biến pháp lý:** Sự biến là sự kiện khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người nhưng trong những trường hợp nhất định, nhà làm luật cũng gắn với sự phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể.
Ví dụ: thiên tai, hoả hoạn do sét đánh, thời hạn trôi qua, cái chết tự nhiên của con người...

- *Căn cứ vào hậu quả pháp lý*

- SKPL làm phát sinh QHPL: Ví dụ sự kiện một người chết làm phát sinh quan hệ thừa kế, việc kết hôn dẫn đến hình thành quan hệ hôn nhân.
- SKPL làm thay đổi QHPL: Ví dụ việc vợ chồng thỏa thuận phân chia tài sản làm thay đổi tình trạng xã hữu tài sản trong hôn nhân; dù rằng quan hệ hôn nhân vẫn tiếp tục được duy trì; việc sáp nhập doanh nghiệp A và doanh nghiệp B có thể làm thay đổi chủ thể và cả một số nội dung của quan hệ hợp đồng còn đang dở mà bên A đã ký kết và đã chuyển giao cho B tiếp tục thực hiện.
- SKPL làm chấm dứt QHPL: Ví dụ sự kiện chị X bị tai nạn chết sẽ làm chấm dứt quan hệ hôn nhân gia đình, quan hệ xã hội, quan hệ lao động có liên quan đến chị X. Vậy việc ông Y trả nợ sẽ làm chấm dứt quan hệ hợp đồng vay tài sản với chủ nợ.

▼ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

▼ Thực hiện pháp luật

- Khái niệm: Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của chủ thể pháp luật.
- **Các hình thức thực hiện pháp luật**
 - Tuân thủ pháp luật
 - Các chủ thể tham gia pháp luật thực hiện hành vi của mình bằng cách kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm
 - Thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.
 - Ví dụ: Người tham gia giao thông không vượt đèn đỏ.
 - **Áp dụng pháp luật**

- Là hình thức trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền hoặc tổ chức được Nhà nước trao quyền thực hiện những quy định của pháp luật làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể. Hình thức áp dụng do người có thẩm quyền thực hiện. Tà
- **Sử dụng pháp luật**
 - là một hình thức mà chủ thể pháp luật thực hiện quyền của mình theo những quy định của PL (chủ thể thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép)
 - Là hình thức không bắt buộc chủ thể phải thực hiện
- **Thi hành pháp luật**
 - (Hay còn gọi là chấp hành pháp luật) là một hình thức trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực. Đây là hình thức dưới dạng hành động.

▼ VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

▼ 1/ Vi phạm pháp luật

- Khái niệm: Vi phạm pháp luật (VPPL) là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- **Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật**
 - Là hành vi xác định của con người thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại...
 - Phải là hành vi trái pháp luật;
 - Phải là hành vi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện;
 - Phải là hành vi có lỗi. Lỗi là thái độ tâm lý của người VPPL thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý.
- Cấu thành vi phạm pháp luật

- Chủ thể VPPL
 - Là cá nhân có năng lực trách nhiệm pháp lý hoặc tổ chức (pháp nhân) có lỗi trong việc thực hiện hành vi VPPL
 - Cần xác định:
 - Độ tuổi chịu TN pháp
 - Năng lực trong quá trình thực hiện hành vi VPPL.
- Khách thể VPPL
 - Là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của VPPL nhưng bị hành vi VPPL xâm phạm đến và gây thiệt hại (hoặc đe dọa gây thiệt hại).
 - Ví dụ:
 - Hành vi cố ý gây thương tích xâm phạm tới quyền được bảo vệ sức khỏe, tính mạng...
 - Hành vi trộm cắp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.
- Mặt chủ quan
 - Là trạng thái tâm lý bên trong (tình cảm, diễn biến tâm lý, thái độ...) của chủ thể thực hiện hành vi VPPL.
 - Lỗi ↔ Mục đích ↔ Động cơ
- Mặt khách quan
 - Là những biểu hiện bên ngoài của VPPL, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các QHXX được pháp luật bảo vệ và gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại
 - Gồm 3 yếu tố:
 - Hành vi trái pháp luật
 - Hậu quả nguy hiểm cho XH
 - Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả
 - Ngoài 3 yếu tố: Còn có thời gian, địa điểm, phương tiện/công cụ vi phạm.
 - Ví dụ: Phân biệt mặt khách quan giữa hành vi trộm cắp và cướp tài sản?

- Điều là hành vi chiếm đoạt tài sản.
- Tuy nhiên:
 - Trộm cắp: hành vi lén lút quan sát, lợi dụng sơ hở để lấy cắp tài sản (mang tính chất không công khai)
 - Cướp tài sản: hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản ngay tức khắc (mang tính công khai)

-

▼ 2/Trách nhiệm pháp lý

- Khái niệm:
 - : Là hậu quả của hành vi VPPL được thể hiện trong việc CQNN có thẩm quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế được quy định trong bộ phận chế tài của QPPL đối với người VPPL.
- Đặc điểm:
 - Là hậu quả của hành vi VPPL, chỉ phát sinh khi có VPPL xảy ra.
 - Do CQNN có thẩm quyền thực hiện.
 - Phải căn cứ văn bản ADPL đã được ban hành và đang có hiệu lực pháp lý.
 - Luôn gắn liền với cưỡng chế nhà nước.
- Các dạng trách nhiệm pháp lý
 - TNPL hình sự
 - Là dạng TNPL nghiêm khắc nhất - là hậu quả của việc thực hiện tội phạm được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Toà án) áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do PLHS quy định.
 - Hình phạt
 - Cải tạo không giam giữ/ Án treo
 - Phạt tù
 - Chung thân/ tử hình

- TNPL dân sự
 - Là hậu quả của hành vi VPPL dân sự được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL dân sự một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của Nhà nước do pháp luật dân sự quy định.
 - Phạt vi phạm
 - Bồi thường thiệt hại
 - Ví dụ: A vay tiền của B số tiền là 200.000.000 VNĐ như vậy khi xác lập giao dịch vay tiền A đã có trách nhiệm dân sự là phải trả tiền cho B với thời hạn do hai bên thỏa thuận
- TNPL hành chính
 - Là hậu quả của hành vi VPPL hành chính được thể hiện trong việc cơ quan NN có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL hành chính một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của NN do PL hành chính quy định, bao gồm: Phạt cảnh cáo, phạt tiền.
- TNPL kỷ luật
 - Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức do vi phạm kỷ luật, vi phạm quy tắc hay nghĩa vụ trong hoạt động công vụ hoặc vi phạm pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.